

Bản án số: **01/2021/KDTM-PT.**

Ngày: 05-02-2021

V/v: “*Tr/c hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hường**;

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kim Hường**;

Bà **Ngô Thị Minh Trang**.

- Thư ký phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Ngọc Mỹ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà **Trần Thị Quỳnh Trâm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 11/2020/KDTM-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố R, Kiên Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐPT-KDTM ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ**

Địa chỉ: Số 22 đường N, phường Tr, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Hoàng Trung Ng – Chức vụ: Phó Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản.

Địa chỉ: Số 264 E đường L, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Võ Duy Thế Ph – Chức vụ: Chuyên viên tố tụng.

Địa chỉ: Số 131 đường Đ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 – Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn T.

- Bà Chung Bích L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 1068/34A đường Ng, phường H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T – Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn T.

Ông Ph, ông T có mặt; bà L, ông Ng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ trình bày:**

Ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L cùng Ngân hàng Thương mại cổ phần P – PGD R nay là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã ký kết Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 06611/2011/HĐHM-CN.RG ngày 30/11/2011 vay số tiền gốc 600.000.000 đồng và khế ước nhận nợ ngày 30/11/2011 ông T, bà L vay số tiền gốc 585.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh cafe rang (Có đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể); lãi suất 25,64% cho 01 tháng đầu tiên, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần theo phương thức lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm lãnh lãi cuối kỳ 12 tháng ở bậc thang cao nhất do Western Bank công bố cộng (+) biên độ tối thiểu, biên độ tối thiểu sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Western Bank tại thời điểm thay đổi lãi suất; Phương thức trả: trả lãi hàng tháng; sau 01 tháng kể từ ngày nhận tiền vay đầu tiên, trả gốc vào cuối kỳ, thời hạn vay 12 tháng, khế ước nhận nợ mỗi đợt 06 tháng.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L đã ký Hợp đồng thế chấp số 0910/2010/HĐTC-CN.RG ngày 12/10/2010 để thế chấp tài sản:

1./ Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành 5301061086, số hồ sơ gốc: 1361.02 do Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Kiên Giang cấp ngày 05/11/2002 cho ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L. Thửa đất số 64; Tờ bản đồ số 38; tại Hẻm đường Ng, phường H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Tài sản gắn liền với

đất: Nhà ở; Diện tích xây dựng: 55,74 m²; diện tích sử dụng: 55,74m²; Kết cấu: Nhà tạm, số tầng: 01.

2/. Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành 5301060356, số hồ sơ gốc: 3380 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22/8/2000 cho ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L, thửa đất số 48; Tờ bản đồ số 38, tại số 1068/34A đường Ng, phường H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở; Diện tích xây dựng: 58,65m²; Diện tích sử dụng: 79,50 m²; Kết cấu: Nhà cấp 4; Số tầng: 01 + gác gỗ.

Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 12/10/2010.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, khế ước nhận nợ. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã gửi thông báo khởi kiện đến khách hàng và các bên có liên quan theo đúng quy định. Tính đến ngày 12/5/2020, ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L chỉ trả cho ngân hàng tổng số tiền lãi 6.780.087 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng có xét miễn một phần tiền lãi cho ông T, bà L số tiền 625.041.000 đồng theo Tờ trình xin giảm tiền lãi số 1858/TD-QLTCT-TNB ngày 08/9/2020 của Trung tâm Quản lý tái cấu trúc tài sản Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với ông T, bà L về số tiền vay gốc 600.000.000 đồng thành số tiền vay gốc 585.000.000 đồng và yêu cầu:

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc 585.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 21/9/2020, tiền lãi trong hạn 63.976.613 đồng, tiền lãi quá hạn 1.554.052.500 đồng, tiền lãi chậm trả 4.354.982 đồng. Tổng cộng 2.207.385.095 đồng.

- Ông T và bà L phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 22/9/2020 theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi ông T, bà L thanh toán xong các khoản nợ.

- Nếu ông T và bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0910/2010/HĐTC-CN.RG ngày 12/10/2010. Nếu số tiền thu được từ

việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T, bà L có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

*** Ông Nguyễn Văn T – Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn T trình bày:**

Ông có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền vay gốc 600.000.000 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 06611/2011/HĐHM-CN.RG ngày 30/11/2011, mục đích vay, lãi suất và phương thức trả nợ đúng như lời trình bày của Ngân hàng.

Khi vay đến nay ông trả được cho ngân hàng số tiền lãi 6.780.087 đồng.

Để đảm bảo nợ vay ông có thể chấp cho ngân hàng các tài sản thế chấp theo hợp đồng 0910/2010/HĐTC-CN.RG ngày 12/10/2010 để thế chấp tài sản:

1./ Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành 5301061086, số hồ sơ gốc: 1361.02 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 05/11/2002 cho ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L. Thửa đất số 64; Tờ bản đồ số 38; tại Hẻm đường Ng, phường H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở; Diện tích xây dựng: 55,74 m²; diện tích sử dụng: 55,74m²; Kết cấu: Nhà tạm, số tầng: 01.

2/. Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành 5301060356, số hồ sơ gốc: 3380 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22/8/2000 cho ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L, thửa đất số 48; Tờ bản đồ số 38, tại số 1068/34A đường Ng, phường H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Tài sản gắn liền với đất: nhà ở; Diện tích xây dựng: 58,65m²; Diện tích sử dụng: 79,50 m²; Kết cấu: Nhà cấp 4; Số tầng: 01 + gác gỗ.

Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 12/10/2010.

Ông T đồng ý trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền theo yêu cầu của Ngân hàng nhưng do hoàn cảnh khó khăn và làm ăn không thuận lợi nên không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, ông đồng ý cho ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*** Bị đơn bà Chung Bích L:** Tòa cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, hai lần thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 11/2020/KDTM-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố R, Kiên Giang đã quyết định:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T – Hộ kinh doanh cá thể và bà Chung Bích L.

Buộc ông Nguyễn Văn T – Hộ kinh doanh cá thể và bà Chung Bích L trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền vay gốc 585.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 21/9/2020 gồm lãi trong hạn 63.976.613 đồng, tiền lãi quá hạn 1.554.052.500 đồng. Tổng cộng 2.207.385.095 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Bác yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đối với yêu cầu bị đơn ông T, bà L trả số tiền lãi chậm trả là 4.354.982 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý tài sản thế chấp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 27/10/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn T – Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm cho ông được trả nợ cho bà Ngô Mỹ Th – Giám đốc Ngân hàng Ph– Chi nhánh S và được trả lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T – Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn T có ý kiến: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Ngân hàng cung cấp thủ tục hợp nhất từ Ngân hàng Ph thành Ngân hàng thương mại cổ phần Đ để đảm bảo việc bà Ngô Mỹ Th không khởi kiện ông khi đã thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Đồng thời yêu cầu Ngân hàng sao kê chi tiết về thời gian vay, tiền gốc, tiền lãi phải thanh toán từ thời gian vay đến nay.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 – Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn T – Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2020/KDTM-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Chung Bích L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn T, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 06611/2011/HĐHM-CN.RG ngày 30/11/2011 vay số tiền gốc 600.000.000 đồng và khế ước nhận nợ ngày 30/11/2011 vay số tiền gốc 585.000.000 đồng giữa ông Nguyễn Văn T, bà Chung Bích L cùng Ngân hàng thương mại cổ phần Ph – PGD R được ký kết trên cơ sở tự nguyện, đúng trình tự quy định, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, phù hợp quy định Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các quy định pháp luật liên quan. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn T, bà Chung Bích L đã nhận đủ tiền vay nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc 585.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 63.976.613 đồng, tiền lãi quá hạn 1.554.052.500 đồng, tiền lãi chậm trả 4.354.982 đồng, tổng cộng 2.207.385.095 đồng và tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thanh toán, xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476 của Bộ Luật dân sự 2005 và Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ và buộc ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ 2.207.385.095 đồng (trong đó số tiền vay gốc 585.000.000 đồng, lãi trong hạn 63.976.613 đồng, tiền lãi quá hạn 1.554.052.500 đồng) và tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thanh toán; Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền 4.354.982 đồng chậm trả lãi là có căn cứ.

Tuy nhiên, ông T cho rằng trước đây ông ký hợp đồng vay với bà Ngô Thị Mỹ Th – Trưởng Phòng giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần Ph– PGD R nên ông kháng cáo yêu cầu được trả nợ cho bà Th.

Xét thấy, căn cứ Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 0611/2011/HĐHM-CN.RG ngày 30/11/2011, bên cho vay là Ngân hàng Thương mại cổ phần Ph– PGD R do bà Ngô Thị Mỹ Th – Trưởng phòng giao dịch đại diện ký hợp đồng với bên vay là ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L. Căn cứ vào Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 279/GP-NHNN ngày 16/9/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc cho phép thành lập Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trên cơ sở hợp nhất Ngân hàng thương mại cổ phần Ph và Tổng công ty tài chính cổ phần Việt Nam. Như vậy, việc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu ông T, bà L trả nợ trên cơ sở hợp đồng cấp tín dụng hạn mức được ký kết giữa ông T, bà L với Ngân hàng thương mại cổ phần Ph– PGD R và Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông T, bà L trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là phù hợp, đúng quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, kháng cáo của ông T – Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn T yêu cầu được trả nợ cho cá nhân bà Ngô Mỹ Th không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ là không có cơ sở để xem xét.

Đối với yêu cầu kháng cáo được trả lãi theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước, thấy rằng: Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức được ký kết trên cơ sở tự nguyện giữa bị đơn với Ngân hàng; yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng trên cơ sở nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận giữa hai bên tương ứng thời gian chưa thanh toán và phù hợp quy định pháp luật tại thời điểm; mặt khác Ngân hàng thương mại cổ phần Đ cũng đã xem xét giảm nợ lãi cho bị đơn, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo giảm tiền lãi của bị đơn nên cấp phúc thẩm không có căn cứ thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T – Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn T.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T – Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 11/2020/KDTM-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T – Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn T, bà Chung Bích L phải chịu án phí đối với số tiền 2.207.385.982 là : 76.147.701 đồng = [72.000.000 đồng + (2% x 207.385.095 đồng)].

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ phải chịu: 3.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 40.890.000 đồng, theo biên lai thu số 0001799 ngày 13/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang, được nhận lại số tiền 37.890.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T – Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 2.000.0000 đồng án phí phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0008608 ngày 09-11-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 471; 474, 476 - Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 357 - Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 - Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T – Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 11/2020/KDTM-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền vay gốc 585.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 21/9/2020 gồm lãi trong hạn 63.976.613 đồng, tiền lãi quá hạn 1.554.052.500 đồng. Tổng cộng 2.207.385.095 (*Hai tỷ hai trăm lẻ bảy triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn không trăm chín mươi lăm*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, nếu phía bị đơn không thanh toán tiền hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm là:

1./ Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành 5301061086, số hồ sơ gốc: 1361.02 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 05/11/2002 cho ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L. Thửa đất số 64; Tờ bản đồ số 38; tại Hẻm đường Ng, phường H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở; Diện tích xây dựng: 55,74m²; diện tích sử dụng: 55,74m²; Kết cấu: Nhà tạm, số tầng: 01.

2/. Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành 5301060356, số hồ sơ gốc: 3380 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22/8/2000 cho ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L, thửa đất số 48; Tờ bản đồ số 38, tại số 1068/34A đường Ng, phường H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở; Diện tích xây dựng: 58,65m²; Diện tích sử dụng: 79,50m²; Kết cấu: Nhà cấp 4; Số tầng: 01 + gác gỗ.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Văn T và bà Chung Bích L có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Bác yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với yêu cầu buộc bị đơn ông T, bà L trả số tiền lãi chậm trả là 4.354.982 đồng.

Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T – Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn T, bà Chung Bích L phải chịu 76.147.701 (*Bảy mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm lẻ một*) đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ phải chịu: 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 40.890.000 đồng, theo biên lai thu số 0001799 ngày 13/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang, được nhận lại số tiền 37.890.000 (*Ba mươi bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T – Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn T phải chịu 2.000.0000 (*Hai triệu*) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0008608 ngày 09/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố R;
- Chi cục THADS thành phố R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Thị Thu Hường

